

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC Y - LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa;
2. Ông Giàng Seo Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực Y - Lào Cai.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực Y - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị C T M, sinh năm 2003.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn K V, xã C L, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ đề Tòa án liên hệ: Thôn 1 M Đ, xã T H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh L V T, sinh năm 1999.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn K V, xã C L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị C T M đề ngày 27/8/2025, bản tự khai nguyên đơn chị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018. Đến ngày 18/01/2021 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C L, huyện B H, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã C L, tỉnh Lào Cai). Tình cảm vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ít quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhắn tin gọi điện cho người con gái khác, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi và vợ chồng

còn to tiếng, anh T mắng chửi chị thỉnh thoảng còn đánh chị, sự việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đã nói chuyện, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh L V T.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Chị và anh T có 03 (ba) người con chung là các cháu L T V sinh ngày 15/12/2018, cháu L T D sinh ngày 10/5/2021 và cháu L M T sinh ngày 14/11/2023 các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Hiện nay cháu V đang ở cùng anh T còn hai cháu D và cháu T đang ở cùng chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu D và cháu T cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, giải quyết cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh T đều làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập của chị và của anh T được khoảng 3.000.000 đồng một người/ tháng

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và giao thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T đều cố tình không đến Tòa án để trình bày lời khai cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, anh T có địa chỉ nơi cư trú tại xã C L, tỉnh Lào Cai do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực Y - Lào Cai theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng. Phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 30/12/2025 bị đơn T vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21 tháng 01 năm 2026 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2018, đến ngày 18/01/2021 đăng ký kết hôn tại

UBND xã C L, huyện B H, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã C L, tỉnh Lào Cai) do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Kể từ khi về chung sống với nhau cho đến nay tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc với nhau được một thời gian và đã có với nhau ba người con chung. Theo chị M trình bày sau đó đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ít quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhắn tin gọi điện với người con gái khác, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi và vợ chồng còn to tiếng, anh T mắng chửi chị thỉnh thoảng còn đánh chị, sự việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đã nói chuyện, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Thực tế đến nay giữa chị M và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng, sống ly thân, bỏ mặc nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Chị M và anh T có với nhau ba người con chung là các cháu L T V sinh ngày 15/12/2018, cháu L T D sinh ngày 10/5/2021 và cháu L M T sinh ngày 14/11/2023 các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị M là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu D và cháu T cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, giải quyết cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, nguyện vọng của cháu V là muốn trực tiếp ở cùng bố. Xét chị M và anh T đều quan tâm, yêu thương và chăm sóc tốt cho con và đều là lao động chính có thu nhập, xác minh tại xã anh chị đều làm lao động tự do nên khó xác định được mức thu nhập cụ thể, cháu T1 hiện nay chưa được 36 tháng tuổi và ở cùng chị M do chị M trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao hai cháu D và cháu T cho chị M, giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị C T M phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị C T M được ly hôn với anh L V T.

Quan hệ hôn nhân của chị C T M và anh L V T chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn:

Xử giao hai cháu cháu L T D sinh ngày 10/5/2021 và cháu L M T sinh ngày 14/11/2023 cho chị C T M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D và cháu T 18 tuổi. Giao cháu L T V sinh ngày 15/12/2018 cho anh L V T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị C T M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001177 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị C T M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực Y-Lào Cai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã C L, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

